

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 867/TTr-TNMT ngày 28/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động, địa chỉ trụ sở chính tại thôn Hạ, xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Đầu tư xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ an toàn sinh học” tại khu 1- thôn Tầu, thôn Thượng, xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: “Đầu tư xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ an toàn sinh học”.

1.2. Chủ cơ sở: Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động.

1.3. Địa điểm hoạt động: Thôn Tầu, thôn Thượng, xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (khu 1).

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp: 2400764194, đăng ký lần đầu ngày 05/5/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07/01/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Quyết định chủ trương đầu tư số 240/QĐ-UBND ngày 28/4/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận nhà đầu tư Công ty TNHH MTV Chăn Nuôi Hòa Phát Bắc Giang; Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư số 629/QĐ-UBND ngày

10/10/2018 của UBND tỉnh Bắc Giang chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ an toàn sinh học” của Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Bắc Giang.

1.5. Mã số thuế: 2400764194.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Thôn Tảu, thôn Thượng, xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với diện tích: 241.561,8 m² (khu 1).

- Quy mô, công suất của cơ sở đầu tư: Quy mô, công suất của cơ sở: Lợn nái 2.500 con, gồm 02 module mỗi module là 1.250 nái.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 07 (bảy) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 617/QĐ-UBND ngày 23/08/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ an toàn sinh học” tại thôn Điều, thôn Tầu, xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH một thành viên chăn nuôi Hòa Phát Bắc Giang (nay là Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động) làm chủ cơ sở và các giấy phép môi trường thành phần (*nếu có*) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Sơn Động, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Đầu tư xây dựng khu chăn nuôi lợn tập trung công nghệ an toàn sinh học” tại Thôn Tầu, thôn Thượng, xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1024/QĐ-TNMT ngày 16/10/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND huyện Sơn Động, Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Chủ cơ sở (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ quá trình chăn nuôi lợn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe Ruộng dài (đoạn chảy qua địa phận thôn Thượng, xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại thôn Thượng, xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2247526; Y = 486228 (Theo hệ tọa độ quốc gia VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 410 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 17,08 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý công suất 410 m³/ngày đêm được thu gom theo đường ống uPVC D160 (dài khoảng 43m) và xả thải vào khe Ruộng dài (đoạn chảy qua địa phận thôn Thượng, xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang) theo hình thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục, 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi (cột B, K_q = 0,9 và K_f = 0,9 đối với thông số COD, TSS, BOD₅, tổng Nitơ; không áp dụng hệ số K_q, K_f đối với thông số pH, tổng Coliform), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần
2	COD	mg/l	243	
4	BOD ₅	mg/l	81	
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	121,5	

	(TSS)			
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	121,5	
6	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100mL	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ khu sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, nước thải nhà ăn, nhà vệ sinh khu Tàu, khu Điều sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn được chảy theo đường ống uPVC vào mạng thu gom nước thải chẵn nuôi từng khu và dẫn về hồ biogas lót và phủ bạt HDPE dung tích 33.202 m³ để tiếp tục xử lý cùng nước thải chẵn nuôi (Chủ cơ sở đã xây dựng 06 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích 52,4 m³).

- Nước thải từ quá trình sát trùng xe và công nhân (khi hết tác dụng sát trùng) được dẫn vào hồ biogas lót và phủ HDPE bằng đường ống nhựa uPVC để xử lý cùng nước thải chẵn nuôi.

- Nước thải chẵn nuôi phát sinh từ khu Tàu, khu Điều được thu gom bằng hệ thống đường ống uPVC/HDPE Ø 200, Ø 315 vào bể gom, qua hồ biogas lót và phủ bạt HDPE của từng khu (làm rõ dung tích từng hồ) sau đó chảy về bể trung gian, tại đây nước thải được bơm cưỡng bức dẫn bằng đường ống HPDE Ø63 về hệ thống xử lý tập trung công suất 410 m³/ngày đêm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải sát trùng và nước thải chẵn nuôi sau khi xử lý qua hồ biogas) → Bể trung gian/bể sự cố → Bể điều hòa → Bể thiếu khí 1 → Bể hiếu khí 1 → Bể thiếu khí 2 → Bể hiếu khí 2 → Cụm bể lắng sinh học → Bể trung gian → Cụm bể phản ứng hóa lý → Bể lắng hóa lý → Cụm bể khử trùng → Xả thải ra khe Ruộng Dài.

Trường hợp nước thải tại cụm bể khử trùng có nhiều cặn lơ lửng sẽ được tiếp tục xử lý tại Bồn lọc áp lực, sau đó xả thải ra khe Ruộng Dài.

- Công suất thiết kế: 410 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Methanol, PAC, A – Polymer, C – Polymer, Javen, Clorin (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối

tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố:

Chủ cơ sở đã sử dụng các bể của hệ thống xử lý nước thải cũ (khu Tàu: bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng sinh học, bể khử trùng, bể chứa bùn; khu Điều: bể hiếu khí, bể lắng sinh học, bể khử trùng, bể chứa bùn) thành bể sự cố. Tổng thể tích chứa của các bể sự cố là: 6.077 m³.

Trường hợp xảy ra sự cố toàn hệ thống xử lý thì nước thải chưa xử lý trên bể sẽ được đưa về các bể sự cố hoặc về 04 hồ biogas tổng dung tích 33.202 m³ kết hợp xử lý và phòng ngừa ứng phó sự cố nước thải.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành và thực hiện bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý nước thải, thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp xử lý và ứng phó sự cố kịp thời.

- Trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị, vật tư dự phòng như máy bơm, máy châm hóa chất, đường ống, bạt HDPE để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, sự cố đối với các hồ biogas.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh, đường ống thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Định kỳ hàng năm kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, các công trình xử lý, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định, sẽ dùng xả nước thải sau xử lý ra môi trường và đưa nước thải sau xử lý về các hồ Biogas, bể sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố của hệ thống xử lý nước thải, nước thải sẽ được bơm lại bể điều hòa để tiếp tục xử lý đạt chuẩn trước khi xả thải.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi hiệu quả xử lý của từng công đoạn xử lý, đảm bảo nước thải sau xử lý phải đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở đã có Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 3655/GXN-TNMT ngày 22/10/2021 nên không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải (sinh hoạt, chăn nuôi) phát sinh của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- 01 nguồn phát sinh khí thải: Khí thải phát sinh từ hoạt động của 01 lò đốt xác lợn chết không do dịch bệnh, nhau thai (sau đây gọi là lò đốt xác lợn) công suất 50 - 150kg/mẻ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°).

- 01 dòng khí thải tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò đốt xác lợn chết không do dịch bệnh, nhau thai. Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 2347371; Y = 485744.

- Vị trí xả khí thải: Ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò đốt xác lợn chết không do dịch bệnh, nhau thai tại thôn Tầu, thôn Thượng, xã Long Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 600 m³/giờ tương đương 14.400 m³/ngày đêm.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả gián đoạn (chỉ xả khí thải khi vận hành lò đốt xác lợn chết không do dịch bệnh và nhau thai).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 30:2012/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 30:2012/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	100	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số
2	SO ₂	mg/Nm ³	250	
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	500	
4	CO	mg/Nm ³	250	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 30:2012/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
				08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt xác lợn, nhau thai được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý khí thải công suất 600 m³/giờ và xả ra môi trường qua ống khói.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải → Cyclone → Tháp hấp thụ → Quạt hút → Ống khói.

- Công suất thiết kế: 600 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước vôi trong (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Biện pháp ứng phó sự cố: Thường xuyên kiểm tra các thiết bị và điều kiện vận hành bao gồm: Lượng dung dịch hấp thụ còn lại trong bể chứa, bơm dung dịch, đường ống dẫn đảm bảo cho quá trình vận hành. Trong trường hợp xảy ra sự cố cần phải có thiết bị dự phòng đảm bảo quá trình xử lý không bị gián đoạn. Trước khi tiến hành đốt, cần tuân thủ quy trình khởi động lò đốt, kiểm tra tình trạng các thiết bị đảm bảo mới cho vận hành lò.

- Khi hệ thống xử lý khí thải của lò đốt xác lợn gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 của Phụ lục này thì phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường không khí và thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ hàng năm thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc

hệ thống xử lý khí thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở đã có Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 3655/GXN-TNMT ngày 22/10/2021 nên không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn từ các máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 03: Tiếng ồn từ các máy phát điện dự phòng khu Tàu.
- Nguồn số 04: Tiếng ồn từ các máy phát điện dự phòng khu Điện.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰), gồm 04 vị trí:

- Nguồn số 01: Tọa độ: X = 2347104, Y = 486386
- Nguồn số 02: Tọa độ: X = 2347509, Y = 486286
- Nguồn số 03: Tọa độ: X = 2347476, Y = 486288
- Nguồn số 04: Tọa độ: X = 2347547, Y = 485918

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2 Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí khu nhà đặt máy phát điện dự phòng, nhà đặt máy thổi khí ở xa khu chuồng trại và khu nhà ở công nhân. Nhà đặt máy phát điện được thiết kế, có mái che và cửa, đảm bảo giảm thiểu sự phát tán tiếng ồn từ máy phát điện dự phòng khi hoạt động.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.

- Có kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, thường xuyên tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của động cơ máy phát điện).

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

STT	Loại chất thải	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 02 01	2.000
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	93
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	2,5
4	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	6
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	35
6	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)	14 02 01	1.117.500
Tổng khối lượng			1.119.637

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	08 02 01	5
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	15
3	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 02 02	60
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	15

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
5	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	25
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	50
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	10
	Tổng cộng =		180

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Phân heo	675.250
2	Xác heo chết không do dịch bệnh, nhau thai	24.272
3	Bùn thải (xử lý nước thải)	36.500
4	Nhóm giấy: Tạp chí, giấy báo các loại, hộp giấy, bì thư, sách, hộp, carton...	100
5	Nhóm nilon: Túi mỏng các loại, tấm làm mát thải bỏ...	50
6	Nhóm kim loại: sắt, nhôm, thép, đồng, vỏ bao bì kim loại (lon bia, nước ngọt, lon đồ hộp...)	30
7	Vật dụng chăn nuôi hỏng các loại: Máng ăn, nùm uống	25
8	Vật liệu lọc từ hệ thống xử lý nước cấp	20
	Tổng khối lượng	736.247

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 8,2 tấn/năm, gồm các loại thức ăn thừa và các loại thực phẩm hết hạn sử dụng, rau củ, trái cây các loại và các thành phần bỏ từ việc chế biến, sơ chế các loại thức ăn, vỏ hộp, chai lọ; khăn giấy các loại; bao bì đựng thực phẩm, ...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 100 lít/thùng, có

nắp đậy (số lượng 11 thùng chứa).

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho chứa: 24,6 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt, mái lợp tôn, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh và hố thu gom chất thải dạng lỏng... theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định với tần suất 6 tháng/1 lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chống thấm (số lượng thùng chứa: 4 thùng, dung tích 100 lít/thùng).

2.2.2. Kho bãi lưu chứa chất thải:

- Cơ sở bố trí 01 kho chứa phân diện tích 52,03 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Nhà 1 tầng, tường xây gạch cao đến 1,2m phía trên dựng khung thép quay tôn, có mái che, nền đổ bê tông chống thấm.

- Đối với bùn thải: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom vào sân phơi bùn. Bùn khô từ sân phơi bùn được đóng bao và chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

- Ký hợp đồng, xử lý với Hộ kinh doanh Lê Thành Nam thu gom xử lý phân lợn và bùn thải tại cơ sở định kỳ 3 - 6 tháng/1 lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 100 lít/thùng (số lượng 8 thùng chứa), có nắp đậy.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải thông thường theo quy định với tần suất 3 tháng/1 lần.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa: Không bố trí kho/ khu vực lưu chứa.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống xử lý nước thải và hệ thống xử lý khí thải.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Chăn nuôi Sơn Động có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật, tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải tại Cơ sở để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B trước xả thải ra môi trường, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành các hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ lò hủ xác đảm bảo đạt QCVN 30:2012/BTNMT cột B trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 867/TTr-TNMT ngày 28/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.